

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9/92/KH-UBND

Khánh Hoà, ngày 28 tháng 9 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Khánh Hòa - năm 2022**

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Công văn số 749/BDT-VP ngày 14/9/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022 với các nội dung như sau:



## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Quyết định số 1917/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện đảm bảo giải ngân nguồn vốn trung ương hỗ trợ năm 2022.

## II. NỘI DUNG

### 1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Hỗ trợ nhà ở cho 42 hộ nghèo dân tộc thiểu số chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng;

- Hỗ trợ nước sinh hoạt:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 511 hộ có khó khăn về nước sinh hoạt;

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư nâng cấp, mở rộng 2 công trình cấp nước sinh hoạt.

### 2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 21.454 ha đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho các Công ty Lâm nghiệp, diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.

- Hỗ trợ khoan nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung 424 ha.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

+ Hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường; tập huấn, chuyển giao kỹ thuật;

+ Hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm;

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật;

- Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### 3. Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã khu vực III bảo đảm đạt chuẩn;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn;

- Đầu tư nâng cấp đường đến trung tâm xã Sơn Tân, huyện Cam Lâm;

- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

#### **4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú

Nâng cấp, sửa chữa phòng học, khu nội trú cho học sinh và mua sắm trang thiết bị các Trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 2, 3, 4 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ và đối tượng thuộc lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, 4 ở cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ và đối tượng thuộc lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; các mô hình giảm nghèo thành công, năng lực làm chủ đầu tư, cơ chế đầu tư đặc thù cho cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng;

- Tổ chức hội thảo, hội nghị, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh.

#### **5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng tủ sách cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **6. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

### **7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

- Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em gái trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; nâng cao năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

### **8. Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn**

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt.

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- In ấn, cung cấp tài liệu về kiến thức, kỹ năng truyền thông vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; hậu quả, tác hại và những hệ lụy do tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống gây ra;

- Tổ chức các lớp tuyên truyền, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề... nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân, về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức các hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân, kết hôn, tảo hôn và hôn

nhân cận huyết thống;

- Xây dựng và triển khai mô hình điểm, mô hình chuyên đề “Can thiệp làm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

### **9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

- *Nội dung 1:* Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Nội dung 2:* Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

+ Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; sao, in, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác);

+ Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

+ Tổ chức các lớp tập huấn về thông tin đối ngoại, bồi dưỡng kiến thức về tình đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam với các nước trên thế giới, nhất là các nước láng giềng cho cán bộ làm công tác dân tộc;

+ Giới thiệu, quảng bá con người, tiềm năng, thế mạnh, văn hóa, du lịch... tuyên truyền biển đảo; kêu gọi đầu tư; thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Nội dung 3*: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số. Cung cấp bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, tờ thông tin về trợ giúp pháp lý và hộp tin trợ giúp pháp lý cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) *Tiểu dự án 2*: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) *Tiểu dự án 3*: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp địa phương;

- Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

### **III. VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

Tổng vốn kế hoạch năm 2022 là 122.696 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương : 102.743 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư phát triển : 63.627 triệu đồng;

- + Vốn sự nghiệp : 39.116 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương : 15.411 triệu đồng;
- + Vốn đầu tư phát triển : 9.544 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp : 5.867 triệu đồng;
- Vốn tín dụng chính sách : 1.680 triệu đồng;
- Vốn huy động khác : 2.862 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ các Dự án tại các Phụ lục kèm theo)

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Ban Dân tộc**

- Chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc; phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp báo cáo theo quy định;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ nguồn vốn (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) để thực hiện theo quy định; lồng ghép nguồn lực đầu tư hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiệu quả, tránh trùng lặp.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư công cho các địa phương và các sở, ngành liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

##### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát, thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

**4. Các sở, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình**

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo không trùng lặp đối tượng, nội dung với các chương trình, dự án, đề án khác;

- Phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Ủy ban Dân tộc;

##### **5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ

năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2022.

6. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Khánh Hòa có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

### 7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch này, tình hình thực tế tại địa phương và nguồn vốn được phân bổ, rà soát danh mục đầu tư tránh trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng kế hoạch thực hiện trên địa bàn và chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện;

- Bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định, tổ chức huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình;

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

### 8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 7993/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Tuân**



**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022							Vốn tín dụng chính sách	Vốn huy động khác
		Tổng vốn	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương (tối thiểu 15%)				
			Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>122.696</b>	<b>102.743</b>	<b>63.627</b>	<b>39.116</b>	<b>15.411</b>	<b>9.544</b>	<b>5.867</b>	<b>1.680,0</b>	<b>2.862,0</b>
I	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>5.928</b>	<b>5.073</b>	<b>3.739</b>	<b>1.334</b>	<b>855</b>	<b>655</b>	<b>200</b>		
	Hỗ trợ nước sinh hoạt	5.928	5.073	3.739	1.334	855	655	200		
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	1.534	1.334		1.334	200		200		
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	4.394	3.739	3.739		655	655			
II	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>18.599</b>	<b>14.086</b>		<b>14.086</b>	<b>2.113</b>		<b>2.113</b>		<b>2.400,0</b>
1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	8.883	7.724		7.724	1.159		1.159		
	- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	8.232	7.158		7.158	1.074		1.074		
	- Hỗ trợ khoán nuôi tái sinh	651	566		566	85		85		
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	9.716	6.362		6.362	954		954		2.400,0
III	<b>Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>	<b>50.303</b>	<b>46.498</b>	<b>44.056</b>	<b>2.442</b>	<b>3.805</b>	<b>3.439</b>	<b>366</b>		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu	50.303	46.498	44.056	2.442	3.805	3.439	366		
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK	46.319	42.880	42.880		3.439	3.439			
	- Đầu tư nâng cấp đường đến trung tâm xã, đường liên xã	1.176	1.176	1.176						
	- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước	2.308	2.007		2.007	301		301		
	- Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã	500	435		435	65		65		
IV	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>9.221</b>	<b>8.121</b>	<b>789</b>	<b>7.332</b>	<b>1.100</b>		<b>1.100</b>		
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông DTNT	2.227	2.039	789	1.250	188		188		

STT	NỘI DUNG	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022							Vốn tín dụng chính sách	Vốn huy động khác
		Tổng vốn	Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương (tối thiểu 15%)					
			Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Trong đó:			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh	2.227	2.039	789	1.250	188		188		
2	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	966	840		840	126		126		
3	Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	4.395	3.822		3.822	573		573		
4	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	1.633	1.420		1.420	213		213		
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	6.533	5.681	4.546	1.135	852	682	170		
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.141	992		992	149		149		
	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS & MN; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em	1.141	992		992	149		149		
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	2.665	2.317		2.317	348		348		
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn	9.448	8.216		8.216	1.232		1.232		
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn	8.600	7.478		7.478	1.122		1.122		
2	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS & MN	848	738		738	110		110		
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.182	1.028		1.028	154		154		
1	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	834	725		725	109		109		
2	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	348	303		303	45		45		
X	Chưa phân bổ	17.676	10.731	10.497	234	4.803	4.768	35	1.680	462

**Phụ lục II**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022	Tổng mức đầu tư	Dự kiến vốn ĐTPT năm 2022				
					Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
							Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>73.171</b>	<b>63.627</b>	<b>9.544</b>	<b>7.081</b>	<b>2.463</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>				<b>4.394</b>	<b>3.739</b>	<b>655</b>	<b>565</b>	<b>90</b>
	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>				<i>4.394</i>	<i>3.739</i>	<i>655</i>	<i>565</i>	<i>90</i>
	- Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh	2022-2023	3.869	2.073	1.720	353	353	
	- Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	Xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	2022	2.321	2.321	2.019	302	212	90
<b>II</b>	<b>Dự án 4 - Tiêu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS</b>				<b>47.495</b>	<b>44.056</b>	<b>3.439</b>	<b>2.205</b>	<b>1.234</b>
<b>II.1</b>	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>				<b>23.135</b>	<b>20.930</b>	<b>3.439</b>	<b>2.205</b>	<b>1.234</b>
1	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điểm từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Xã Giang Ly	2022	1.999	1.999	1.999			
2	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lố đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Xã Sơn Thái	2022	998	998	998			
3	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Van đến rẫy ông Đinh Xuân Hường	Thôn Bó Lang, xã Sơn Thái	2022	998	998	998			
4	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Xã Khánh Thành	2022	971	971	971			
5	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Nuôi đến đất ông Cao Văn Hường	Xã Khánh Trung	2022	1.049	1.049	1.049			
6	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông DTNT	Xã Cầu Bà	2022	993	993	993			
7	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Xã Cầu Bà	2022	991	991	991			
8	Đường vào khu sản xuất Suối Cọp, xã Liên Sang	Xã Liên Sang	2022	1.999	1.999	1.999			
9	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất Kho Cối	Xã Khánh Thượng	2022	1.099	1.099	1.099			
10	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bốn đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	2022	997	997	997			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022	Tổng mức đầu tư	Dự kiến vốn ĐTPT năm 2022				
					Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
							Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (đốc Gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Xã Khánh Nam	2022	1.998	1.998	1.998			
12	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Càng (B2), xã Khánh Hiệp	Xã Khánh Hiệp	2022	999	999	999			
13	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2022	995	995	995			
14	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Xã Khánh Phú	2022	999	999	999			
15	Đường vào khu sản xuất Bến Khế từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.197	1.197	1.197			
16	Đường vào khu sản xuất Bến Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2022	1.199	1.199	1.199			
17	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	819	819	819			
18	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	1.119	973	630	489	343	146
19	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lồ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Xã Sơn Thái	2022	970	700		970	700	270
20	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Xã Khánh Thành	2022	982	700		982	700	282
21	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Xã Sơn Thái	2022-2023	998	462		998	462	536
<b>II.2</b>	<b>Huyện Khánh Sơn</b>			<b>16.967</b>	<b>16.967</b>	<b>16.967</b>			
1	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	996	996	996			
2	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	Xã Thành Sơn	2022	998	998	998			
3	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	Xã Sơn Lâm	2022	999	999	999			
4	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đình)	Xã Sơn Lâm	2022	999	999	999			
5	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuê	Xã Sơn Bình	2022	994	994	994			
6	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền đến rẫy bà Cao Thị Danh	Xã Sơn Bình	2022	999	999	999			
7	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	Xã Sơn Hiệp	2022	1.991	1.991	1.991			
9	Làm đường BTXM vào khu sản xuất nghĩa địa thôn Chi Chay	Xã Sơn Trung	2022	999	999	999			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022	Tổng mức đầu tư	Dự kiến vốn ĐTPT năm 2022				
					Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
							Tổng số	Trong đó:	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	999	999	999			
11	Nối tiếp đường BTXM khu 21 hộ đến trản Ông Lũng	Thị trấn Tô Hạp	2022	799	799	799			
12	Đường BTXM từ Bia khảo cô Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	Thị trấn Tô Hạp	2022	1.198	1.198	1.198			
13	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	Xã Ba Cùm Bắc	2022	999	999	999			
14	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi. xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	999	999	999			
15	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gầm	Xã Ba Cùm Nam	2022	999	999	999			
16	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	Xã Thành Sơn	2022-2023	1.999	1.999	1.999			
<b>II.3</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>				<b>3.770</b>	<b>3.770</b>			
II.3.1	Đường đến trung tâm xã				<b>1.176</b>	<b>1.176</b>			
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn đường từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Xã Sơn Tân	2022-2023	9.212	1.176	1.176			
II.3.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBK, thôn ĐBK				<b>2.594</b>	<b>2.594</b>			
1	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Xã Sơn Tân	2022	1.000	1.000	1.000			
2	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn VaLy đến nhà máy nước	Xã Sơn Tân	2022-2023	1.000	1.000	1.000			
3	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022	297	297	297			
4	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2022	297	297	297			
<b>II.4</b>	<b>Huyện Diên Khánh</b>				<b>1.199</b>	<b>600</b>			
1	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản xuất ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhót.)	Thôn Đá Mài, xã Diên Tân	2022-2023	1.199	1.199	600			
<b>II.5</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>				<b>1.789</b>	<b>1.789</b>			
1	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2022	900	900	900			
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thảng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	2022	450	450	450			
3	Xây dựng cổng tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	2022-2023	439	439	439			

S T T	NỘI DUNG	Địa điểm	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022	Tổng mức đầu tư	Dự kiến vốn ĐTPPT năm 2022				
					Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
							Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
III	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh				789	789			
1	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch)	Trường PTDTNT Khánh Vĩnh			789	789			
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch				5.228	4.546	682	666	205
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	25 thôn		4.618	3.351	2.914	437	306	131
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Sơn	14 thôn		3.928	1.877	1.632	245	360	74
V	Chưa phân bổ				15.265	10.497	4.768	3.645	934

**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>44.983,0</b>	<b>39.116,0</b>	<b>5.867,0</b>	<b>4.330,5</b>	<b>1.536,5</b>
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		1.534,0	1.334,0	200,0	140,0	60,0
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		1.534,0	1.334,0	200,0	140,0	60,0
	- Huyện Khánh Sơn	511 hộ	1.534,0	1.334,0	200,0	140,0	60,0
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		16.199,0	14.086,0	2.113,0	1.505,0	608,0
1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		8.883,0	7.724,0	1.159,0	811,0	348,0
1.1	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng		8.232,0	7.158,0	1.074,0	751,0	323,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	4.245,7 ha	1.630,0	1.417,0	213,0	149,0	64,0
	- Huyện Khánh Sơn	11.166 ha	4.284,0	3.725,0	559,0	391,0	168,0
	- Huyện Cam Lâm	3.042,3 ha	1.167,0	1.015,0	152,0	106,0	46,0
	- Thị xã Ninh Hòa	3.000 ha	1.151,0	1.001,0	150,0	105,0	45,0
1.2	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh		651,0	566,0	85,0	60,0	25,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	120 ha	184,0	160,0	24,0	17,0	7,0
	- Huyện Khánh Sơn	130 ha	200,0	174,0	26,0	18,0	8,0
	- Huyện Cam Lâm	174 ha	267,0	232,0	35,0	25,0	10,0
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN		7.316,0	6.362,0	954,0	694,0	260,0
2.1	Phân bổ cho các sở, ngành (9%)		658,0	572,0	86,0	86,0	
2.2	Phân bổ cho các địa phương		6.658,0	5.790,0	868,0	608,0	260,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã, 3 thôn ĐBKK	3.494,0	3.038,0	456,0	319,0	137,0
	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông	8 xã ĐBKK	2.449,0	2.130,0	319,0	223,0	96,0
	- Huyện Cam Lâm	1 xã và 2 thôn ĐBKK	448,0	390,0	58,0	41,0	17,0
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBKK	107,0	93,0	14,0	10,0	4,0
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho n	3 thôn ĐBKK	160,0	139,0	21,0	15,0	6,0
III	Dự án 4 - Tiêu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS		2.808,0	2.442,0	366,0	275,0	91,0
1	Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã (Sở Y tế)		500,0	435,0	65,0	65,0	
2	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK và công trình CSHT các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước		2.308,0	2.007,0	301,0	210,0	91,0
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.187,0	1.032,0	155,0	108,0	47,0
	- Huyện Khánh Sơn		806,0	701,0	105,0	74,0	31,0

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Cam Lâm		171,0	149,0	22,0	15,0	7,0
	- Huyện Diên Khánh		36,0	31,0	5,0	3,5	1,5
	- Thị xã Ninh Hòa		72,0	63,0	9,0	6,0	3,0
	- Thành phố Cam Ranh		36,0	31,0	5,0	3,5	1,5
IV	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		<b>8.432,0</b>	<b>7.332,0</b>	<b>1.100,0</b>	<b>872,0</b>	<b>228,0</b>
1	<b>Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông DTNT</b>		<b>1.438,0</b>	<b>1.250,0</b>	<b>188,0</b>	<b>166,0</b>	<b>22,0</b>
	- Mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT tỉnh (Sở GD & ĐT)		575,0	500,0	75,0	75,0	
	- Mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Vĩnh		288,0	250,0	38,0	38,0	
	- Mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT thành phố Cam Ranh		575,0	500,0	75,0	53,0	22,0
2	<b>Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</b>		<b>966,0</b>	<b>840,0</b>	<b>126,0</b>	<b>126,0</b>	
	- Ban Dân tộc: Bồi dưỡng Kiến thức dân tộc		483,0	420,0	63,0	63,0	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo: Bồi dưỡng tiếng DTTS		483,0	420,0	63,0	63,0	
3	<b>Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&amp;MN</b>		<b>4.395,0</b>	<b>3.822,0</b>	<b>573,0</b>	<b>418,0</b>	<b>155,0</b>
3.1	Phân bổ cho Sở LĐTBXH (10%)		439,0	382,0	57,0	57,0	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		3.956,0	3.440,0	516,0	361,0	155,0
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.470,0	1.278,0	192,0	134,0	58,0
	- Huyện Khánh Sơn		1.572,0	1.367,0	205,0	144,0	61,0
	- Huyện Cam Lâm		516,0	449,0	67,0	47,0	20,0
	- Thành phố Cam Ranh		398,0	346,0	52,0	36,0	16,0
4	<b>Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình</b>		<b>1.633,0</b>	<b>1.420,0</b>	<b>213,0</b>	<b>162,0</b>	<b>51,0</b>
4.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (20%)		327,0	284,0	43,0	43,0	
4.2	Phân bổ cho các địa phương		1.306,0	1.136,0	170,0	119,0	51,0
	- Huyện Khánh Vĩnh		703,0	611,0	92,0	64,0	28,0
	- Huyện Khánh Sơn		498,0	433,0	65,0	45,0	20,0
	- Huyện Cam Lâm		75,0	65,0	10,0	7,0	3,0
	- Huyện Diên Khánh		12,0	11,0	1,0	1,0	
	- Thị xã Ninh Hòa		18,0	16,0	2,0	2,0	
V	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>		<b>1.305,0</b>	<b>1.135,0</b>	<b>170,0</b>	<b>129,0</b>	<b>41,0</b>
1	<b>Phân bổ cho các sở, ngành (20%)</b>		<b>261,0</b>	<b>227,0</b>	<b>34,0</b>	<b>34,0</b>	
2	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>1.044,0</b>	<b>908,0</b>	<b>136,0</b>	<b>95,0</b>	<b>41,0</b>
2.1	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa thôn		350,0	304,0	46,0	32,0	14,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	7 thôn	244,0	212,0	32,0	22,0	10,0
	- Huyện Khánh Sơn	3 thôn	106,0	92,0	14,0	10,0	4,0
2.2	Hỗ trợ đội văn nghệ thôn		521,0	454,0	67,0	47,0	20,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	5 đội	289,0	252,0	37,0	26,0	11,0
	- Huyện Khánh Sơn	3 đội	174,0	152,0	22,0	15,0	7,0
	- Huyện Cam Lâm	1 đội	58,0	50,0	8,0	6,0	2,0
2.3	Xây dựng tủ sách cộng đồng các xã vùng DTTS&MN		173,0	150,0	23,0	16,0	7,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	2 xã	69,0	60,0	9,0	6,0	3,0



S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Khánh Sơn	2 xã	69,0	60,0	9,0	6,0	3,0
	- Huyện Cam Lâm	1 xã	35,0	30,0	5,0	4,0	1,0
<b>VI</b>	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>		<b>1.141,0</b>	<b>992,0</b>	<b>149,0</b>	<b>108,5</b>	<b>40,5</b>
	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS & MN; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em						
1	Phân bổ cho Sở Y tế (10%)		114,0	99,0	15,0	15,0	
2	Phân bổ cho các địa phương		1.027,0	893,0	134,0	93,5	40,5
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	538,0	468,0	70,0	49,0	21,0
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	353,0	307,0	46,0	32,0	14,0
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	70,0	61,0	9,0	6,0	3,0
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	40,0	35,0	5,0	3,5	1,5
	Thành phố Cam Ranh	2 xã	26,0	22,0	4,0	3,0	1,0
<b>VII</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>		<b>2.665,0</b>	<b>2.317,0</b>	<b>348,0</b>	<b>256,0</b>	<b>92,0</b>
1	Phân bổ cho Hội LHPN tỉnh (12%)		320,0	278,0	42,0	42,0	
2	Phân bổ cho các địa phương		2.345,0	2.039,0	306,0	214,0	92,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã, 3 thôn ĐBKK	1.236,0	1.075,0	161,0	113,0	48,0
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã ĐBKK	852,0	741,0	111,0	78,0	33,0
	- Huyện Cam Lâm	1 xã, 2 thôn ĐBKK	150,0	130,0	20,0	14,0	6,0
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBKK	43,0	37,0	6,0	4,0	2,0
	- Thị xã Ninh Hòa	3 thôn ĐBKK	64,0	56,0	8,0	6,0	2,0
<b>VIII</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>9.448,0</b>	<b>8.216,0</b>	<b>1.232,0</b>	<b>872,0</b>	<b>360,0</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>8.600,0</b>	<b>7.478,0</b>	<b>1.122,0</b>	<b>789,0</b>	<b>333,0</b>
1.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (1%)		86,0	75,0	11,0	11,0	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		8.514,0	7.403,0	1.111,0	778,0	333,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	2.865 hộ	4.478,0	3.894,0	584,0	409,0	175,0
	- Huyện Khánh Sơn	2.208 hộ	3.451,0	3.001,0	450,0	315,0	135,0
	- Huyện Cam Lâm	183 hộ	287,0	249,0	38,0	27,0	11,0
	- Huyện Diên Khánh	73 hộ	114,0	99,0	15,0	10,0	5,0
	- Thị xã Ninh Hòa	118 hộ	184,0	160,0	24,0	17,0	7,0
2	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN		848,0	738,0	110,0	83,0	27,0
2.1	Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc (16%)		135,0	118,0	17,0	17,0	
2.2	Phân bổ cho các địa phương		713,0	620,0	93,0	66,0	27,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	137,0	119,0	18,0	13,0	5,0
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	165,0	144,0	21,0	15,0	6,0
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	107,0	93,0	14,0	10,0	4,0
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	167,0	145,0	22,0	15,0	7,0
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	137,0	119,0	18,0	13,0	5,0

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Dự kiến vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng 15%)		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS&M; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		1.451,0	1.262,0	189,0	173,0	16,0
1	<i>Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&amp;MN giai đoạn 2021 - 2030</i>		834,0	725,0	109,0	98,0	11,0
1.1	Phân bổ cho các sở, ngành (67%)		559,0	486,0	73,0	73,0	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		275,0	239,0	36,0	25,0	11,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	127,0	111,0	16,0	11,0	5,0
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	78,0	68,0	10,0	7,0	3,0
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	30,0	26,0	4,0	3,0	1,0
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	20,0	17,0	3,0	2,0	1,0
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	20,0	17,0	3,0	2,0	1,0
2	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS &amp; MN</i>		269,0	234,0	35,0	35,0	
	Chưa phân bổ		269,0	234,0	35,0	35,0	
3	<i>Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình</i>		348,0	303,0	45,0	40,0	5,0
3.1	Phân bổ cho các sở, ngành (55%)		192,0	167,0	25,0	25,0	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		156,0	136,0	20,0	15,0	5,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	72,0	63,0	9,0	6,0	3,0
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	45,0	39,0	6,0	4,0	2,0
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	16,0	14,0	2,0	2,0	
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	11,5	10,0	1,5	1,5	
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	11,5	10,0	1,5	1,5	